

## **Chương 8. GAP**

### **1. Khái niệm tiêu chuẩn GAP là gì?**

- GAP = Good Agricultural Practices = quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt.

*Tiêu chuẩn GAP* bao gồm:

- ✓ *Việc sản xuất theo hướng lựa chọn địa điểm,*
- ✓ *Việc sử dụng đất đai,*
- ✓ *Phân bón,*
- ✓ *Nước,*
- ✓ *Phòng trừ sâu bệnh hại,*
- ✓ *Thu hoạch,*
- ✓ *Đóng gói,*
- ✓ *Tồn trữ,*
- ✓ *Vệ sinh đồng ruộng và*
- ✓ *Vận chuyển sản phẩm,...*
- GAP: nhằm phát triển nền nông nghiệp bền vững với mục đích đảm bảo an toàn cho thực phẩm, người sản xuất, môi trường và truy nguyên được nguồn gốc SP.

### **2. Nguồn gốc ra đời của GAP**

Khái niệm GAP được ra đời từ năm 1997, theo sáng kiến của những nhà bán lẻ Châu Âu (Euro-Retailer Produce Working Group). Nhằm để giải quyết mối quan hệ bình đẳng cũng như trách nhiệm cần thực hiện, giữa người sản xuất sản phẩm nông nghiệp và khách hàng của họ.

Từ ngày 7/9/2007, hệ thống EurepGAP của Châu Âu được nâng lên thành GLOBALGAP.

### **3. GAP trên toàn thế giới - GLOBALGAP**

Điểm quan trọng nhất (các tiêu chuẩn chung) của GLOBALGAP GAP là:

- *An toàn thực phẩm*
- *An toàn cho môi trường*

- Sức khỏe và an sinh xã hội
- Sự an toàn của người lao động
- Truy nguyên được nguồn gốc sản phẩm

GLOBAL GAP là tiêu chuẩn quy trình sản xuất của tổ chức, doanh nghiệp làm ra sản phẩm được áp dụng cho rau, cây ăn quả, động vật, gia súc, thủy sản.

Chứng chỉ đó bao trùm *một chuỗi quy trình sản xuất xuyên suốt từ tìm nguồn giống, gieo hạt giống cho đến khi thành phẩm, đưa sản phẩm ra khỏi nông trại và được lưu thông trên thị trường.*

#### **4. Những yêu cầu chính để thực hiện tiêu chuẩn GAP**

- Sản phẩm sản xuất ra phải được đăng ký nơi sản xuất rõ ràng.
- Cơ sở phải xây dựng hệ thống kỹ thuật và quản lý sản xuất hoàn chỉnh đến sản phẩm cuối cùng.
- Quy trình sản xuất, bón phân, BVTV có thể linh hoạt điều chỉnh cho phù hợp.
- Quản lý chặt chẽ kho thuốc, và dư lượng thuốc BVTV trong nông sản.
- Hồ sơ sản xuất (trước và sau thu hoạch) ghi chép, hồ sơ đầy đủ để có thể truy nguyên được nguồn gốc sản phẩm.

#### **5. Thực hiện theo tiêu chuẩn GAP mang lại lợi ích gì?**

- Sản phẩm luôn đảm bảo an toàn và chất lượng cao.
- Góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, tạo cho môi trường sống của con người được tốt hơn.
- Ngăn chặn việc lạm dụng sức lao động của nông dân, đảm bảo an toàn cho người lao động trong quá trình sản xuất.
- Mở rộng cơ hội thương mại SP.
- Được người tiêu dùng tin tưởng và lựa chọn nhiều hơn.

#### **6. GAP của khu vực Châu Á – ASEANGAP**

- ASEANGAP được thành lập bởi Hiệp Hội ASEAN, năm 2006.
- ASEANGAP có những tiêu chí như sau:
  - ✓ An toàn nông sản.
  - ✓ An toàn môi trường.

- ✓ Sức khỏe cho người lao động, an sinh xã hội.
- ✓ Chất lượng nông sản.

## **7. GAP của một số nước**

- Thailand: Q GAP và ThaiGAP, do Bộ Nông Nghiệp & Hợp tác xã Thailand đưa ra.
- Japan: JGAP, do một nhóm người sản xuất xây dựng nên năm 2005, đến 2006 Bộ Nông nghiệp công nhận JGAP là quy trình sản xuất tốt của Nhật Bản. Tháng 8/07 Nhật Bản công nhận GLOBALGAP là quy trình sản xuất tốt của Nhật.
  - Ấn độ: IndiaGAP: được thành lập bởi tổ chức quản lý chế biến xuất nhập khẩu nông sản của Ấn độ. Riêng nông sản xuất sang Châu Âu, Ấn độ sử dụng tiêu chuẩn GLOBALGAP.
  - Trung Quốc: ChinaGAP được thiết lập bởi Nhà Nước Trung Quốc cho nông sản và thực phẩm. Tháng 4/2006 ChinaGAP được hòa nhập với GLOBALGAP đối với nông sản xuất khẩu.
  - Malaysia: SALMGAP, do Bộ Nông Nghiệp Malaysia đưa ra. Phòng kiểm tra chất lượng (Crop Quality Control Division) thuộc Cục Nông nghiệp- Bộ Nông nghiệp Malaysia là đơn vị tổ chức hướng dẫn, kiểm tra và cấp chứng chỉ SAIMGAP cho rau hoa quả.

## **8. GAP của Việt Nam**

VietGAP: *Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho rau, quả tươi an toàn tại Việt Nam* (Good Agricultural Practices for production of fresh fruit and vegetables in Vietnam) được Bộ Nông Nghiệp&PTNT Việt Nam ban hành vào 28/01/2008.

*Mười hai nội dung quy trình thực hành VietGAP*

1. Đánh giá và lựa chọn vùng sản xuất.
2. Giống và gốc ghép.
3. Quản lý đất.
4. Phân bón và chất phụ gia.
5. Nước tưới.
6. Hóa chất (Bao gồm cả thuốc BVTV).

7. Thu hoạch và xử lý sau thu hoạch.
8. Quản lý và xử lý chất thải.
9. Người lao động.
10. Ghi chép, lưu trữ hồ sơ, truy nguyên nguồn gốc và thu hồi sản phẩm.
11. Kiểm tra nội bộ.
12. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại.

Bốn tiêu chuẩn chính của VietGap: Kỹ thuật sản xuất, an toàn thực phẩm, môi trường làm việc và truy tìm nguồn gốc của sản phẩm. Để đạt được chứng nhận VietGAP phải thông qua 70 tiêu chí với lệ phí chứng nhận là 30-40 triệu đồng/năm/20ha. Còn để đạt được chứng nhận GlobalGAP, nông trại đó phải thông qua 234 tiêu chí với lệ phí là 2,500-5000USD/năm/50ha. Bộ chuẩn JGAP được quy định với hơn 130 tiêu chí kiểm soát đảm bảo chất lượng sản phẩm hàng đầu thế giới.

### **9. Truy xuất nguồn gốc nông sản như thế nào?**

- Dán tem truy xuất nguồn gốc lên sản phẩm để bảo đảm hàng chính hãng, ngăn chặn những trường hợp sản phẩm bị làm giả hoặc sao nhái thương hiệu.
- Dùng ứng dụng quét Code đã được tải về các thiết bị thông minh như điện thoại, máy tính bảng để truy xuất nguồn gốc nông sản trực tiếp.
- Hiện nay có rất nhiều loại tem với nhiều cách truy xuất nguồn gốc mà doanh nghiệp đang sử dụng như: tem chống hàng giả công nghệ 4.0 tích hợp đa công nghệ, tem truy xuất nguồn gốc QR Code, tem chống hàng giả QR CODE, tem chống hàng giả Hologram, tem chống hàng giả SMS...



### *Tem truy xuất nguồn gốc WINCHECK*

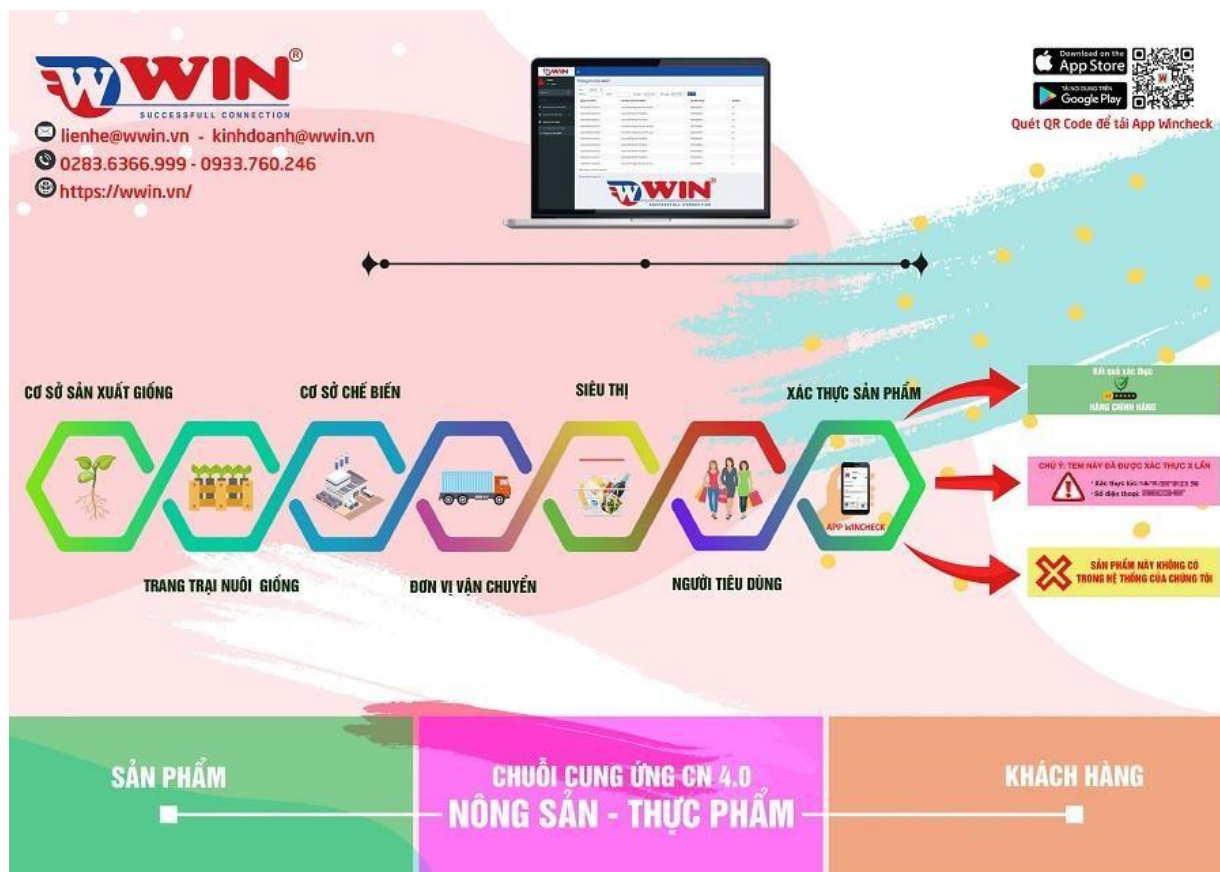
#### **Quy trình truy xuất nguồn gốc nông sản**

Các ứng dụng gồm: Zalo, Viber,... Sau khi quét xong:

– Nếu là hàng thật, đúng thương hiệu sẽ hiển thị các thông tin liên quan đến sản phẩm và nhà sản xuất từ:

Trại hạt giống → trại nuôi trồng → xưởng sản xuất, chế biến → vận chuyển → đại lý, siêu thị → đến tay người tiêu dùng

– Nếu không đúng thương hiệu hoặc hàng giả, hàng nhái sẽ hiển thị những thông tin cảnh báo để người tiêu dùng tránh mua nhầm.



## Chuỗi cung ứng dành cho nông sản

<https://wwin.vn/truy-xuat-nguon-goc-nong-san>

## Quy trình 5 bước để có chứng nhận Global GAP

**Bước 1:** Tham khảo tài liệu và các danh mục liên quan của bộ tiêu chuẩn Global GAP tại trang của *Global GAP* [https://www.globalgap.org/uk\\_en/](https://www.globalgap.org/uk_en/)

**Bước 2:** So sánh và lựa chọn gói dịch vụ của các cơ quan chứng nhận Global GAP ở Việt Nam để nhận số GGN cho sản phẩm cần được chứng nhận.

**Bước 3:** Nhà sản xuất dựa vào các danh mục của tiêu chuẩn Global GAP để tự đánh giá và điều chỉnh sao cho phù hợp với tất cả các yêu cầu của tiêu chuẩn Global GAP.

**Bước 4:** Liên hệ với cơ quan được cấp phép chứng nhận Global GAP tại Việt Nam. Sau đó, sẽ có một thanh tra từ phía cơ quan đến nông trại để thực hiện cuộc kiểm tra tại chỗ

**Bước 5:** Sau khi đáp ứng các yêu cầu của chứng chỉ Global GAP, nhà sản xuất sẽ nhận được một Chứng chỉ tiêu chuẩn đảm bảo nông trại tích hợp Global GAP cho phạm vi và sản phẩm tương ứng có giá trị trong một năm.



<http://farmtech.vn/>

## **Tiêu chuẩn Global GAP**

Giá trị chứng nhận: Chứng nhận có giá trị trong vòng 12 tháng.

### **Chọn cách thức chứng nhận:**

- Cách thức 1: Một chủ có một hay nhiều nông trại.
- Cách thức 2: Nhóm các nhà sản xuất kết hợp.

### **Những tiêu chuẩn chủ yếu:**

- Tiêu chuẩn về kỹ thuật sản xuất.
- Tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm.
- Tiêu chuẩn về môi trường làm việc cho người lao động.
- Truy nguyên nguồn gốc.

### **Thời gian đánh giá:**

- Chỉ kiểm tra khi nhà sản xuất đăng ký xong.
- Kiểm tra lần đầu hồ sơ sản xuất phải có 3 tháng trước vụ thu hoạch (sau khi đăng ký) hay trước khi đăng ký.
- Kiểm tra lần đầu vào vụ thu hoạch là tốt nhất, nếu kiểm tra trước hoặc sau thu hoạch thì phải có cuộc thăm viếng vào kỳ thu hoạch (có thể không báo trước).
- Kiểm tra kế tiếp: trong vòng 6 tháng trước và 3 tháng sau khi chứng nhận hết hạn (phải có sự gia hạn của Tổ chứng chứng nhận).

### **Các bước ví dụ cho từng loại hình**

#### **Các nông trại**

1. Hồ sơ lưu trữ và đánh giá nội bộ/ thanh tra nội bộ.
2. Lịch sử và quản lý vùng đất.
  - 2.1 Lịch sử vùng đất.
  - 2.2 Quản lý vùng đất.
3. Sức khỏe công nhân, an toàn và phúc lợi xã hội.
  - 3.1 Đánh giá nguy cơ.
  - 3.2 Huấn luyện.
  - 3.3 Các mối nguy hiểm và sơ cứu thương.
  - 3.4 Quần áo/ thiết bị bảo hộ.



- 3.5 Phúc lợi xã hội của người lao động.
- 3.6 Hợp đồng phụ.
- 4. Quản lý chất thải và ô nhiễm, tái sản xuất và tái sử dụng.
  - 4.1 Xác định chất thải và những chất gây ô nhiễm.
  - 4.2 Kế hoạch xử lý chất thải và ngăn ô nhiễm môi trường.
- 5. Vấn đề về môi trường và sự bảo tồn.
  - 5.1 Ảnh hưởng của sản xuất nông nghiệp đến môi trường và sự đa dạng sinh học.
  - 5.2 Khu vực không sản xuất (bảo tồn).
  - 5.3 Hiệu quả năng lượng.
- 6. Khiếu nại.
- 7. Truy nguyên nguồn gốc.

### **Nông trại trồng trọt**

- 1. Truy nguyên.
- 2. Vật liệu nhân giống.
  - 2.1 Chất lượng và tình trạng vật liệu nhân giống.
  - 2.2 Tính kháng sâu bệnh.
  - 2.3 Xử lý hóa chất và phân bón.
  - 2.4 Gieo hạt / trồng cây.
  - 2.5 Cây trồng biến đổi gen.
- 3. Lịch sử vùng đất và quản lý vùng đất.
  - 3.1 Luân canh.
- 4. Quản lý đất canh tác.
  - 4.1 Bản đồ đất.
  - 4.2 Canh tác.
  - 4.3 Xói mòn đất.
- 5. Sử dụng phân bón.
  - 5.1 Các yêu cầu về dinh dưỡng.
  - 5.2 Khuyến cáo về số lượng và loại phân bón.
  - 5.3 Hồ sơ sử dụng phân bón.

- 5.4 Dùng máy móc.
- 5.5 Lưu giữ phân bón.
- 5.6 Phân hữu cơ.
- 5.7 Phân vô cơ.
- 6. Tưới tiêu / bón phân qua hệ thống tưới tiêu.
  - 6.1 Dự đoán nhu cầu tưới nước.
  - 6.2 Phương pháp tưới / bón phân.
  - 6.3 Chất lượng nước tưới.
  - 6.4 Nguồn cung cấp nước tưới tiêu / phân bón theo tưới tiêu.
- 7. Quản lý dịch hại tổng hợp (IPM).
- 8. Sản phẩm bảo vệ thực vật.
  - 8.1 Lựa chọn sản phẩm bảo vệ thực vật.
  - 8.2 Ghi chép các lần xử lý.
  - 8.3 Thời gian cách ly trước khi thu hoạch (không áp dụng cho hoa và phụ liệu trang trí).
  - 8.4 Thiết bị xử lý.
  - 8.5 Thải bỏ những nông dư thừa sau khi phun thuốc.
  - 8.6 Phân tích dư lượng các sản phẩm bảo vệ thực vật.
  - 8.7 Tồn trữ các sản phẩm bảo vệ thực vật.
  - 8.8 Vận hành các sản phẩm bảo vệ thực vật.
  - 8.9 Bao sản phẩm bảo vệ thực vật đã sử dụng hết.
  - 8.10 Các sản phẩm bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng.

### **Cây ăn trái và rau quả**

- 1. Vật liệu nhân giống.
  - 1.1 Lựa chọn giống cây trồng và gốc ghép.
- 2. Quản lý đất và các chất nền.
  - 2.1 Khử trùng đất.
  - 2.2 Chất nền.
- 3. Tưới tiêu và bón phân qua hệ thống tưới.

- 3.1 Chất lượng nước tưới.
- 4. Thu hoạch.
  - 4.1 Tổng quan.
  - 4.2 Đóng gói sản phẩm tại nơi thu hoạch.
- 5. Xử lý sản phẩm sau thu hoạch.
  - 5.1 Nguyên tắc vệ sinh.
  - 5.2 Vệ sinh cá nhân.
  - 5.3 Điều kiện vệ sinh.
  - 5.4 Khu vực đóng gói và kho.
  - 5.5 Kiểm soát chất lượng.
  - 5.6 Kiểm soát bộ gậm nhám và chim.
  - 5.7 Rửa sau thu hoạch.
  - 5.8 Xử lý sau thu hoạch.

## **Trà**

- 1. Vật liệu nhân giống.
  - 1.1 Chọn giống.
- 2. Quản lý nông trại và lịch sử nông trại.
  - 2.1 Lịch sử nông trại.
- 3. Quản lý đất và các giá thể.
  - 3.1 Đất và khử trùng đất.
  - 3.2 Giá thể.
- 4. Sử dụng phân bón.
  - 4.1 Khuyến cáo số lượng và chủng loại.
  - 4.2 Phân hữu cơ.
  - 4.3 Hồ sơ bón phân.
  - 4.4 Tồn trữ phân bón.
- 5. Tưới tiêu / Bón phân qua hệ thống tưới tiêu.
  - 5.1 Phương pháp tưới.
- 6. Sản phẩm bảo vệ thực vật.

- 6.1 Các yếu tố cơ bản.
- 6.2 Chọn thuốc bảo vệ thực vật.
- 6.3 Hồ sơ áp dụng.
- 6.4 Vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật.
- 7. Thu hoạch.
  - 7.1 Vệ sinh.
  - 7.2 Thủ tục thu hoạch.
  - 7.3 Tồn trữ và vận chuyển trà tươi.
  - 7.4 Đo lường lượng trà thu hoạch.
- 8. Bộ phận chế biến.
  - 8.1 Tổng quát.
  - 8.2 Các nguyên tắc vệ sinh.
  - 8.3 Vệ sinh cá nhân.
  - 8.4 Phương tiện vệ sinh.
  - 8.5 Khu vực tồn trữ và chế biến.
  - 8.6 Chế biến trà.
  - 8.7 Nước chế biến.
  - 8.8 Kiểm soát chất lượng.
  - 8.9 Kiểm soát chim, chuột.
- 9. Sức khỏe, an toàn và phúc lợi của công nhân.
  - 9.1 Thiết bị/quần áo bảo hộ, hộp thuốc cấp cứu.
  - 9.2 Phúc lợi của công nhân.
- 10. Tái sử dụng.
  - 10.1 Tái sử dụng phụ phẩm trà.
  - 10.2 Kế hoạch xử lý rác.
- 11. Môi trường và bảo tồn.
  - 11.1 Tác động của việc trồng trọt đối với môi trường.
  - 11.2 Sử dụng năng lượng.
- 12. Biểu mẫu khiếu nại.

## **Hoa và cây cảnh**

1. Nguyên vật liệu nhân giống.
  - 1.1 Sự lựa chọn giống cây trồng hoặc gốc ghép.
  - 1.2 Tính kháng sâu và bệnh hại.
2. Quản lý đất và chất nền.
  - 2.1 Khử trùng đất.
  - 2.2 Chất nền.
3. Sử dụng phân bón.
  - 3.1 Yêu cầu dinh dưỡng.
  - 3.2 Kho phân bón.
4. Thu hoạch.
  - 4.1 Vệ sinh.
5. Xử lý sau thu hoạch.
  - 5.1 Chất lượng nước.
  - 5.2 Xử lý sau thu hoạch.
6. Sản phẩm bảo vệ thực vật.
  - 6.1 Lựa chọn sản phẩm bảo vệ thực vật.

## **File đính kèm! VIET GAP QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP) CHO RAU, QUẢ TƯƠI AN TOÀN TẠI VIỆT NAM**

### **Tài liệu tham khảo (chọn lọc)**

Luật Chất lượng Sản phẩm hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007

Theo Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2011

Luật Chất lượng Sản phẩm hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007

Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2011

Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn Kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006

ISO 9000: 2015, Hệ thống quản lý chất lượng – cơ sở và từ vựng

Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015 và các yêu cầu (Quality management systems – Requirements

<http://flevypro.com/pro>

<https://vi.wikipedia.org>

<http://www.mtc.edu.vn/>

<https://www.iso.org>

<https://chungnhanquocte.com>

[https://www.globalgap.org/uk\\_en/](https://www.globalgap.org/uk_en/)

<https://wwin.vn/truy-xuat-nguon-goc-nong-san>

<http://farmtech.vn/post/tieu-chuan-gap-la-gi>

<http://icert.vn/iso-9001-2015-khoan-7-5-thong-tin-dang-van-ban.htm>